

Bức tranh FDI toàn cầu và giải pháp thu hút FDI ở Việt Nam trong điều kiện mới

Bùi Kiều Anh

Những năm gần đây, khu vực và trong nước có nhiều điểm mới, đang nổi lên thành một xu hướng lớn, có khả năng tác động mạnh đến các hoạt động kinh tế - xã hội, trong đó có hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Những điều kiện mới làm cho xu hướng dịch chuyển dòng vốn FDI trên thế giới diễn ra nhiều biến động. Điều kiện mới đang đặt ra yêu cầu cho các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng phải có những thay đổi nhất định trong giải pháp về thu hút FDI, bởi nó vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra những thách thức lớn, đòi hỏi định hướng mới về FDI phải vừa khắc phục được những mặt hạn chế, lại vừa phát huy được được tốt hơn những mặt tích cực đã có để góp phần thiết thực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ khóa: FDI, FDI toàn cầu, giải pháp thu hút, điều kiện mới.

In recent years, there have been various new features in the region and nation which emerge as major trends that potentially affect socio-economic activities significantly, including foreign direct investment (FDI) activities. The new context makes the movement of FDI flows around the world more volatile. New conditions are also requiring countries around the world in general and Vietnam in particular to make certain changes in the solutions to FDI attraction, because it both creates opportunities and poses challenges. The new orientation on FDI must overcome the limitations and promote the existing positive aspects to make practical contributions to industrialization and modernization.

Keywords: FDI, global FDI, solutions to attract, new conditions.

1. Xu hướng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới hiện nay

1.1. Xu hướng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo quốc gia và vùng lãnh thổ

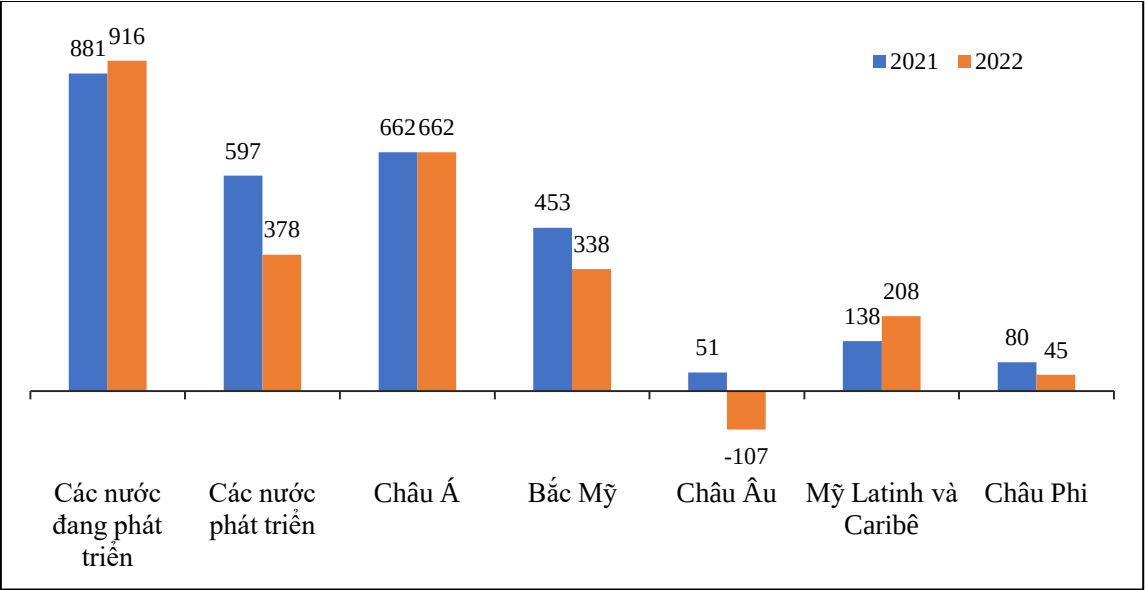
Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài toàn cầu năm 2022 đã giảm 12% xuống còn 1,3 nghìn tỷ USD, sau khi giảm vào năm 2020 và tăng mạnh trở lại vào năm 2021. Những khủng hoảng và thách thức trên thế giới hiện nay như chiến tranh ở Ukraine, giá lương thực và năng lượng không ngừng tăng cao, rủi ro suy thoái và áp lực nợ ở nhiều quốc gia... đã làm cho sự phục hồi dòng vốn này trong năm 2021 không bền vững, tác động tiêu cực đến FDI toàn cầu.

Thu hút vốn FDI của các vùng lãnh thổ và nền kinh tế trên thế giới khác nhau, các nước đang phát triển tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong

tổng vốn FDI toàn cầu, khoảng 70% (tăng 10% trong cơ cấu so với năm 2021); trong khi đó các quốc gia công nghiệp phát triển có dòng vốn FDI giảm mạnh, giảm 37% so với năm 2021, chủ yếu do thị trường tài chính thiếu ổn định và các gói kích cầu đã kết thúc. Dòng vốn chảy vào khu vực châu Á không đổi ở mức 662 tỷ USD. Khu vực Mỹ La-tinh và Caribê tăng 51% lên 208 tỷ USD, trong khi dòng vốn chảy vào châu Phi giảm 44%, sau khi đạt đỉnh bất thường vào năm 2021 do quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp lớn ở Nam Phi (Hình 1).

Hình 1. Thu hút vốn FDI theo khu vực và các nền kinh tế

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: UNCTAD (2023)

Năm 2022, FDI giảm ở các nước phát triển sau khi tăng hơn gấp đôi vào năm 2021, chủ yếu là do thị trường tài chính thiếu ổn định và các gói kích thích kết thúc. Hoa Kỳ vẫn là nước nhận FDI lớn nhất với 285 tỷ USD gồm các dự án trong lĩnh vực khai khoáng và đạt được nhiều dự án thỏa thuận tài chính quốc tế. Trong các nền kinh tế đang phát triển, châu Á là khu vực tiếp nhận FDI lớn nhất, gồm Trung Quốc, Singapore, Hồng Kông (Trung Quốc), Ấn Độ, Nhật Bản, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Indonesia và Hàn Quốc (Bảng 1).

Bảng 1. Top 20 nền kinh tế thu hút FDI lớn nhất thế giới năm 2022

Xếp hạng	Nền kinh tế	Quy mô FDI (Tỷ USD)	Xếp hạng	Nền kinh tế	Quy mô FDI (Tỷ USD)
1	Hoa Kỳ	285	11	Mexico	35

2	Trung Quốc	189	12	Tây Ban Nha	35
3	Singapore	141	13	Nhật Bản	33
4	Hồng Kông (Trung Quốc)	118	14	Ba Lan	29
5	Braxin	86	15	Israel	28
6	Úc	62	16	Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	23
7	Canada	53	17	Indonesia	22
8	Ấn Độ	49	18	Ý	20
9	Thụy Điển	46	19	Chile	20
10	Pháp	36	20	Hàn Quốc	18

Nguồn: UNCTAD (2023)

Môi trường hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu và đầu tư xuyên biên giới vẫn còn nhiều thách thức vào năm 2023. Giá hàng hóa tăng mạnh sau cuộc chiến ở Ukraine đã phần nào giảm bớt, tuy nhiên chiến tranh vẫn tiếp diễn và căng thẳng chính trị vẫn còn cao. Những bất ổn gần đây trong lĩnh vực tài chính ở một số nước phát triển làm tăng thêm sự không chắc chắn của nhà đầu tư. Ở các nước đang phát triển, mức nợ cao tiếp tục hạn chế không gian tài khóa. Dự báo trong các năm tiếp theo, FDI toàn cầu sẽ tiếp tục biến động.

1.2. Xu hướng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo loại hình và ngành kinh tế

Các dự án đầu tư mới

Năm 2022, giá trị của các dự án đầu tư mới tăng 64% lên 1,2 nghìn tỷ USD - mức cao thứ hai được ghi nhận kể từ năm 2008. Giá trị này tăng hơn gấp đôi ở các nền kinh tế đang phát triển và tăng 37% ở các nước phát triển. Lĩnh vực nông nghiệp gia tăng bất thường so với năm 2021 (tăng 618%), đạt 97 tỷ USD với 118 dự án. Ngành chế biến, chế tạo cũng ghi nhận mức tăng 37%, đạt 437 tỷ USD - cao hơn 1/4 so với mức trung bình của 10 năm trước. Tuy nhiên, số lượng dự án ở lĩnh vực này vẫn ở mức 5.970 dự án. Ngành dịch vụ chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu (56%), tăng 68% giá trị so với năm 2021 với 11.510 dự án, chiếm 2/3 tổng số dự án - đây tỷ lệ cao nhất được ghi nhận. Giá trị của các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực dịch vụ cũng đạt mức cao kỷ lục (Bảng 2).

Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng, các dự án về khai khoáng tăng nhiều trong năm 2022. Một số dự án đầu tư lớn trong lĩnh vực này gồm khoản đầu tư 10 tỷ USD của ExxonMobil (Hoa Kỳ) vào Dự án sản xuất dầu ngoài khơi Guyana; khoản đầu tư mở rộng 7,5 tỷ USD cho hoạt động khai thác dầu của Công ty Dầu khí Quốc gia (Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất) ở Turkmenistan; Dự án sản xuất hóa dầu từ dầu thô tại tổ hợp lọc dầu ở thành phố cảng Ulsan của Hàn Quốc của Saudi Aramco trị giá 7 tỷ USD ...

Bảng 2. Đầu tư mới vốn FDI trên thế giới theo ngành kinh tế năm 2022

Chỉ tiêu	Tổng	Nông nghiệp	Chế biến, chế tạo	Dịch vụ
Quy mô (Tỷ USD)	1.213	97	437	679
Cơ cấu (%)	100	8	36	56
Tăng trưởng so với năm 2021 (%)	64	618	37	68

Nguồn: UNCTAD (2023)

Các dự án mua bán và sáp nhập xuyên biên giới (M&As)

Giá trị các dự án M&A xuyên biên giới đạt 707 tỷ USD vào năm 2022, - giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Trong lĩnh vực chế biến, chế tạo, M&A xuyên biên giới giảm 42% xuống còn 142 tỷ USD; mức giảm cũng được ghi nhận trong ngành dịch vụ với -5% xuống còn 442 tỷ USD. Ngược lại, lĩnh vực nông nghiệp có giá trị M&A tăng hơn gấp 4 lần lên 122 tỷ USD, phá vỡ xu hướng giảm kéo dài cả một thập kỷ (Bảng 3). Về số lượng các dự án M&A, cả 3 ngành đều giảm làm cho tổng số dự án giảm 9% còn 7.763 dự án.

Biến động về giá trị M&A do tác động lớn trong lĩnh vực dược phẩm. Sau khi tăng vào năm 2021, đến năm 2022, giá trị M&A trong ngành này đã giảm mạnh 51% xuống còn 36 tỷ USD, số lượng giao dịch giảm 22% xuống còn 169. Thương vụ lớn nhất trong năm được ghi nhận trong ngành dược phẩm gồm 11 tỷ USD mua lại Vifor Pharma (Thụy Sĩ) bởi CSL Behring (Úc) và mua lại mảng kinh doanh thuốc của Viatris (Hoa Kỳ) bởi Biocon Biologics (Ấn Độ) với giá 3,3 tỷ USD.

Bảng 3. Giá trị M&A trên thế giới theo ngành kinh tế năm 2022

Chỉ tiêu	Tổng	Nông nghiệp	Chế biến, chế tạo	Dịch vụ
----------	------	-------------	-------------------	---------

			chế tạo	
Quy mô (Tỷ USD)	707	122	142	442
Cơ cấu (%)	100	17	20	63
Tăng trưởng so với năm 2021 (%)	-4	357	-42	-5

Nguồn: UNCTAD (2023)

2. Điều kiện mới tác động đến hoạt động vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

2.1. Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự hình thành kinh tế số

Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 đã và đang tác động mạnh mẽ, toàn diện và sâu rộng đến hầu hết tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của nhân loại, trong đó có hoạt động thu hút FDI. Cuộc CMCN 4.0 là sự kết hợp các công nghệ giúp xóa ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, số hóa và sinh học; là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống thực và ảo, internet kết nối vạn vật và các hệ thống kết nối internet (Klaus Schwab, 2016). Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của CMCN 4.0, kinh tế số - nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số¹ được hình thành và tạo ra những mô hình kinh doanh mới, tạo ra cơ hội việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân và chất lượng dịch vụ cuộc sống sẽ được nâng cao.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của CMCN 4.0 và kinh tế số đang đặt ra nhiều vấn đề, thách thức đối với thu hút FDI, nhất là tác động của trí tuệ nhân tạo, tự động hóa trình độ cao, sản xuất thông minh... Đối với các nước đang phát triển, một mặt, các nước thu hút FDI dựa vào nhân công chi phí thấp sẽ mất lợi thế trong tương lai, khi mà sản xuất sử dụng phổ biến công nghệ tự động hóa, robot. Mặt khác, nếu tận dụng được làn sóng CMCN 4.0, các nước đang phát triển có thể “đi tắt đón đầu” và rút ngắn khoảng cách về công nghệ với các nước phát triển, nhờ đó có thể thu hút FDI công nghệ cao và thúc đẩy tăng năng suất của nền kinh tế. Đối với các quốc gia phát triển, các doanh nghiệp hy vọng CMCN 4.0 sẽ đem lại cơ hội đưa sản xuất về lại nước mình, giành lại công việc từ các nước có giá nhân công thấp, như Trung Quốc - nơi được mệnh danh là “công xưởng của thế giới”.

Trong bối cảnh đó, thu hút đầu tư FDI của Việt Nam đón nhận cả những cơ hội và thách thức. Có thể thấy rằng, lợi thế về nguồn lao động dồi dào, chi phí lao động thấp hiện nay của Việt Nam sẽ bị tác động lớn của cuộc CMCN 4.0. Đối với vấn đề việc làm, CMCN 4.0 sẽ giảm nhu cầu đối với lao động giản đơn và đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực cao hơn để có thể phối hợp sử dụng các thiết bị thông minh trong sản xuất. Do vậy, sự cạnh tranh về việc làm sẽ không chỉ giữa con người với con người mà còn

¹ The Oxford Handbook of the Digital Economy (2012).

diễn ra giữa con người với máy móc. Xét trong tương lai gần, Việt Nam vẫn duy trì được lợi thế về nguồn lao động dồi dào và giá nhân công thấp do khả năng áp dụng tự động hóa, robot ở một số lĩnh vực còn hạn chế vì thế vẫn cần sức lao động thủ công (như lắp ráp linh kiện điện tử, may mặc...). Tuy vậy, với tốc độ phát triển, lan tỏa nhanh chóng của CMCN 4.0, trong tương lai xa, lợi thế này sẽ dần biến mất do khả năng máy móc thay thế và nhu cầu đối với lao động chất lượng cao.

2.2. Cạnh tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc, xung đột Nga - Ukraina và xu hướng địa chính trị, kinh tế mới

Những năm gần đây, chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc là sự kiện tiêu biểu cho biến động địa chính trị. Cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc không chỉ có những ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu, mà còn có tác động đáng kể tới dòng vốn FDI do các chuỗi cung ứng toàn cầu bị phá vỡ. Căng thẳng thương mại giữa hai quốc gia sẽ tạo ra làn sóng các dòng vốn FDI rút khỏi Trung Quốc. Đồng thời, quá trình tái cấu trúc lại các chuỗi cung ứng cũng có thể đưa đến lợi ích cho một số quốc gia đang phát triển, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam Á. Việt Nam được đánh giá là một trong những điểm đến quan trọng của dòng vốn FDI dịch chuyển khỏi Trung Quốc nhờ vị trí chiến lược, chi phí nhân công thấp, môi trường vĩ mô và chính trị ổn định..., hơn nữa, FDI trong lĩnh vực điện tử ở Việt Nam đã tăng lên trong những năm gần đây, cho thấy dấu hiệu lạc quan về khả năng nâng cao trình độ công nghệ, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao.

Bên cạnh đó, thế giới đã chứng kiến sự phát triển của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, nổi bật từ năm 2016. Một số nền kinh tế vốn đi đầu trong tự do hóa thương mại trước đây như Anh, Hoa Kỳ... đã có nhiều hành động hạn chế tự do thương mại. Nổi bật là thay đổi chính sách chống lại các nguyên tắc thương mại tự do (đặc biệt là các thỏa thuận thương mại tự do đa phương) của chính quyền Donald Trump. Bên cạnh đó, sự kiện Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh châu Âu - EU (Brexit) ảnh hưởng nghiêm trọng đến thương mại và đầu tư toàn khu vực châu Âu. Theo Báo cáo giám sát thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới - WTO (2016), các nền kinh tế G20 đã áp dụng 145 biện pháp hạn chế thương mại, tức là trung bình gần 21 biện pháp/tháng, trong đó phần lớn là các biện pháp chống bán phá giá. Trong báo cáo Hội nhập kinh tế châu Á 2016, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) nhận định, chỉ số toàn cầu hóa đang giảm, tăng trưởng thương mại toàn cầu thấp hơn tăng trưởng kinh tế, quá trình đa phương hóa trì trệ, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, đặc biệt ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tăng trưởng kinh tế thế giới suy giảm, cùng với đó, các rào cản đối với tự do hóa thương mại và đầu tư tăng là những nguyên nhân dẫn đến quy mô đầu tư FDI toàn cầu liên tục giảm, đặc biệt trong những năm gần đây. Vì thế, các dòng vốn FDI trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cũng sẽ có những thay đổi xu hướng chuyển dịch.

Vào tháng 02/2022, Nga bắt đầu tiến hành chiến dịch tấn công quân sự quy mô lớn nhằm vào Ukraine. Cuộc xung đột không chỉ gây ra những thiệt hại cho hai quốc gia tham gia trực tiếp là Nga và Ukraine, mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thế giới, như thâm hụt ngân sách, nợ công, giá cả tăng cao và lạm phát leo thang, dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu. Theo dự báo, tác động của cuộc chiến ở Ukraine sẽ làm tăng trưởng GDP toàn cầu giảm khoảng 0,4% trong năm 2022, khoảng 1% trong năm 2023, ngoài ra còn làm tăng lạm phát trên toàn cầu thêm 3% trong năm 2022 và 2% trong năm 2023; tăng trưởng kinh tế của khu vực đồng Euro giảm khoảng 0,3% trong năm 2022. Cùng với đó, gián đoạn thương mại và chuỗi cung ứng sản xuất ảnh hưởng an ninh lương thực và an ninh năng lượng trên toàn thế giới. Đầu tư quốc tế và FDI cũng sẽ gặp nhiều trở ngại do môi trường kinh doanh bị ảnh hưởng.

Trước bối cảnh cuộc chiến giữa Nga và Ukraine, Việt Nam cũng chịu một số tác động đến nền kinh tế. Khủng hoảng Nga - Ukraine làm chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, nhất là đối với các mặt hàng điện tử, vì cả Nga và Ukraine là hai nhà cung cấp vật liệu lớn để sản xuất các nguyên phụ liệu cấu thành các thiết bị điện tử.

2.3. Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề gây hậu quả nghiêm trọng nhất trên toàn cầu. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu. Từ nay đến năm 2030, xu hướng biến đổi khí hậu sẽ ngày càng diễn ra phức tạp, khó lường, tác động tiêu cực đến các thành tựu phát triển kinh tế - xã hội và có khả năng đe dọa phát triển bền vững của đất nước.

Biến đổi khí hậu đã và đang ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam. Theo khảo sát của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (2020), nắng nóng kéo dài, mưa lớn kèm bão/áp thấp nhiệt đới, ngập lụt, hạn hán, triều cường và nhiễm mặn ảnh hưởng lớn đến các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ và khai khoáng. Các doanh nghiệp có quy mô càng lớn, thì càng nhận thấy tác động tiêu cực hơn đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Một số tổn thất có thể kể đến như gián đoạn sản xuất - kinh doanh (cơ sở vật chất bị thiệt hại, nhân lực bị thiếu hụt, kênh vận chuyển, mạng lưới phân phối bị đình trệ), thiếu nguồn cung nguyên vật liệu sản xuất, chi phí sản xuất tăng, năng suất lao động và doanh thu giảm. Vì vậy, cần thiết phải có các biện pháp ứng phó, phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu thiệt hại kịp thời từ biến đổi khí hậu để các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp FDI yên tâm đầu tư và sản xuất - kinh doanh tại Việt Nam.

2.4. Đại dịch Covid-19 và các dịch bệnh khác

Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã phá vỡ nhiều chuỗi cung ứng toàn cầu, tác động tiêu cực đến các mặt từ sản xuất, chế biến, vận tải và các hoạt động logistics khác trong chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, giãn cách xã hội do Covid-19 đã hạn chế sự di chuyển của hàng hóa và con người. Việc vận chuyển bị gián đoạn làm cho chi phí vận chuyển nguyên vật liệu và hàng hóa tăng cao, gây ra nhiều khó khăn và thách thức cho các doanh nghiệp hoạt động xuyên biên giới. Để đối phó với tình trạng này, các doanh nghiệp FDI dịch chuyển dòng vốn đến các quốc gia khác để đa dạng hóa nguồn cung hoặc trở lại quốc gia có công ty mẹ để giảm thiểu thiệt hại. Trên thế giới, một doanh nghiệp FDI trước đây tập trung đầu tư vào Trung Quốc nay đã tìm hướng dịch chuyển đầu tư sang các quốc gia khác, trong đó có các quốc gia Đông Nam Á.

Không chỉ riêng Covid-19, những năm gần đây Việt Nam phải ứng phó với hàng loạt các dịch bệnh khác như sốt xuất huyết, tay - chân - miệng, dịch đậu mùa khỉ, cúm A, B... Đây hầu hết là các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, có nguy cơ lây nhiễm cao trong cộng đồng, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và tính mạng con người. Đại dịch và các loại dịch bệnh khác đã mang lại những thách thức chưa từng có, tác động đáng kể đến sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, trong đó có hoạt động FDI. Tuy nhiên, bên cạnh những thách thức, Việt Nam cũng có những cơ hội trong thu hút dòng vốn FDI khi xu hướng chuyển dịch FDI khỏi Trung Quốc, nhiều nhà đầu tư đã hướng tới Việt Nam và mong muốn nơi đây trở thành địa điểm sản xuất mới. Bên cạnh đó, đại dịch thúc đẩy các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, kỹ thuật mới, mô hình sản xuất - kinh doanh mới, tăng cường sử dụng các nền tảng trực tuyến. Điều này phần nào thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam buộc phải thay đổi nếu không muốn bị lùi về phía sau.

2.5. Tầm nhìn và khát vọng phát triển của Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

Sau hơn 35 năm đổi mới kinh tế, thể và lực kinh tế của Việt Nam ngày càng vững mạnh. Việt Nam được ghi nhận là một trong những nền kinh tế chuyển đổi có tốc độ tăng trưởng cao, thành công trong việc xóa đói, giảm nghèo. Kết quả trên có một phần đóng góp của FDI trong tổng vốn đầu tư xã hội - bình quân khoảng 22 - 23%, sản xuất hơn 20% GDP và hơn 70% tổng giá trị xuất khẩu trong 5 năm gần đây. Bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế vẫn còn những mặt hạn chế, như phát triển chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh chưa cao. Sự sụt giảm của kinh tế thế giới cũng như dòng vốn FDI toàn cầu đã ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và dòng vốn FDI vào của Việt Nam.

Trong quá trình đổi mới, Việt Nam đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng và tham gia mạnh mẽ vào tiến trình toàn cầu hóa. Tính đến cuối năm 2022, Việt Nam có quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với khoảng 230 quốc gia và vùng lãnh thổ; ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do với các đối

tác quan trọng, các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA)... Việc đẩy mạnh hội nhập quốc tế làm tăng độ mở của nền kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp thu công nghệ tiên tiến của nước ngoài, từ đó tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có an ninh chính trị tốt, là điểm đến an toàn và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế. Theo WIPO (2022), chỉ số ổn định chính trị của Việt Nam luôn được cải thiện và ở vị trí cao hơn nhiều nước trong khu vực ASEAN khi xếp thứ 37 trên thế giới năm 2022. Môi trường pháp lý của Việt Nam đã được cải thiện nhiều nhưng còn chậm và thiếu đồng bộ. Thủ tục hành chính được cải cách giúp doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng hơn với các cơ hội kinh doanh, tuy nhiên nhiều quy định vẫn còn rườm rà, chồng chéo, mâu thuẫn.

Quá trình đô thị hóa với sự di cư của người dân ra thành phố ngày càng gia tăng, tuy nhiên việc quản lý quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị ở nước ta trong thời gian qua còn nhiều hạn chế, yếu kém. Điều này kéo theo chất lượng đô thị hóa chuyển đổi chậm; tạo sức ép lớn về huy động vốn cho kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, chăm sóc y tế, tăng cường khả năng tiếp cận công bằng về giáo dục và y tế, chênh lệch giàu nghèo, ô nhiễm môi trường, hệ thống giao thông và cung cấp nước sạch. Bên cạnh đó, xu hướng già hóa dân số nhanh cũng trở thành một nguy cơ. Già hóa dân số đặt ra nhiều thách thức như suy giảm lực lượng lao động, giảm năng suất lao động; gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội và tác động đến tăng trưởng kinh tế, trong khi Việt Nam vẫn là quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp.

Khu vực kinh tế tư nhân đang phát triển mạnh mẽ, là thành phần kinh tế chiếm tỷ trọng cao nhất trong GDP, tạo ra nhiều việc làm nhất và là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, ở Việt Nam bắt đầu và phát triển một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn - đây là tiền đề để liên doanh, liên kết có hiệu quả với các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, khu vực doanh nghiệp trong nước hiện nay vẫn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạn chế cả về vốn, công nghệ, lao động có kỹ năng và chuyên môn cao, năng lực quản trị. Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước còn yếu. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp Việt Nam ít đầu tư cho R&D, marketing và đào tạo tay nghề. Các doanh nghiệp vẫn còn thiếu tầm nhìn, chưa chủ động tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Đây là hạn chế lớn, ảnh hưởng đến khả năng liên kết và tận dụng sự lan tỏa từ khu vực FDI của doanh nghiệp Việt Nam.

Việt Nam có lợi thế về lực lượng lao động dồi dào và cơ cấu lao động trẻ. Tuy nhiên, trước sự phát triển của cuộc CMCN 4.0, thế mạnh này của Việt Nam sẽ không còn là yếu tố tạo nên lợi thế cạnh tranh trong thu

hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các doanh nghiệp FDI sẽ dần dịch chuyển sản xuất từ các nước có nhiều lao động phổ thông sang các nước có lao động kỹ thuật cao và có nhiều trung tâm R&D. Trong khi đó, Việt Nam đang thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Nhân lực qua đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp về tay nghề và các kỹ năng mềm khác. Đây sẽ là bất lợi lớn trong thu hút FDI trong thời gian tới.

Tiếp tục đường lối đổi mới, mở cửa và hội nhập để phát triển kinh tế, Đại hội XIII của Đảng (2021) đặt mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Trong quá trình đổi mới và mở cửa, hội nhập kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã nhất quán quan điểm coi khu vực FDI là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Rút kinh nghiệm thời gian qua, thu hút FDI “còn thiếu chọn lọc; sự kết nối và chuyển giao công nghệ giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn nhiều hạn chế”, Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị nêu rõ quan điểm chỉ đạo đối với khu vực FDI là “khuyến khích, tạo điều kiện phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với các khu vực kinh tế khác. Nhà nước tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhà đầu tư; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp... Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu”.

3. Giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong điều kiện mới

Hoàn thiện thể chế, khung chính sách về FDI

Hệ thống pháp luật, chính sách về đầu tư, kinh doanh cần được rà soát để sửa đổi các nội dung cho đồng bộ và nhất quán, phù hợp với bối cảnh kinh tế của Việt Nam. Các quy định về thủ tục, điều kiện đầu tư, các hoạt động đầu tư, danh mục địa bàn, lĩnh vực, đối tượng được áp dụng ưu đãi đầu tư cần được định hướng và nêu rõ trong các luật về đầu tư nước ngoài và các luật có liên quan để thống nhất trong thực hiện. Đồng thời, hoàn thiện đồng bộ các quy định của pháp luật về đầu tư, chứng khoán và quản lý ngoại hối.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về FDI. Các quy định pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan đối với hoạt động FDI cần phải được thực hiện nghiêm túc. Công tác quản lý, triển khai dự án đầu tư phải bảo đảm hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, phù hợp với quy hoạch quốc gia. Bên cạnh đó, cần tránh việc cạnh tranh nhau ngay trong

quy hoạch các ngành, lĩnh vực, các tỉnh, vùng, quốc gia. Đồng thời, các cơ quan chức năng cần đấu tranh kiên quyết, triệt để, xử nghiêm doanh nghiệp FDI có các vi phạm trong kinh doanh nhằm bảo đảm sự lành mạnh trong môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi thu hút được nguồn vốn cần thiết cho đất nước.

Tăng cường hoạt động ngoại giao kinh tế để mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển hệ thống cơ quan xúc tiến thương mại tại các khu vực thị trường lớn và tiềm năng. Bên cạnh đó, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo các xu hướng, chiến lược mới của thế giới; hoàn thiện các chính sách để gia nhập thị trường quốc tế thuận lợi, nâng cao bảo vệ hàng hóa và doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới.

Giải pháp về nâng cao chất lượng tăng trưởng, góp phần phục hồi kinh tế sau dịch Covid-19

Để gia tăng tác động lan tỏa của khu vực FDI đến năng suất lao động nền kinh tế, Việt Nam cần tập trung tăng năng lực của khu vực doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân. Tăng năng lực về R&D của doanh nghiệp trong nước để tăng khả năng hấp thụ công nghệ mới và thúc đẩy chuyển giao công nghệ thông qua nhiều biện pháp. Nâng nhanh tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của cả nền kinh tế nói chung và của lao động trong các doanh nghiệp trong nước nói riêng để tăng khả năng đón nhận tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.

Cần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao vị thế, sức hấp dẫn thông qua các chỉ số cạnh tranh toàn cầu. Việt Nam cần thiết lập và gắn kết với các đối tác là các nền kinh tế phát triển để tận dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng và với hàm lượng công nghệ cao, cải thiện năng suất; đồng thời tiếp cận với những tiêu chuẩn và bí quyết từ đối tác xuất khẩu.

Không chỉ riêng Covid-19, một loạt các dịch bệnh liên tiếp xảy ra trong những năm gần đây có ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế - xã hội đất nước và đời sống, sức khỏe của người dân. Do vậy, Chính phủ cần tăng cường hơn nữa các biện pháp phòng, chống bệnh, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm như chủ động theo dõi, giám sát, xử lý các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh; tìm nguồn nguyên liệu sản xuất thuốc điều trị; tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng chống tạm thời... Làm tốt công tác này sẽ giúp cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp FDI nói riêng yên tâm tiến hành các hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Thúc đẩy chuyển giao công nghệ

Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư, chuyển giao công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững. Thêm vào đó, luật pháp về quyền sở hữu trí tuệ cần

được tăng cường bởi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sẽ thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua các bằng sáng chế, thương hiệu, bản quyền và chỉ dẫn địa lý. Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ cần được xử phạt quyết liệt. Khi đó, các doanh nghiệp FDI sẽ yên tâm chia sẻ công nghệ của họ cho các doanh nghiệp trong nước.

Để việc chuyển giao công nghệ được thực hiện hiệu quả, bản thân các doanh nghiệp trong nước cần nâng cao năng lực nội sinh, đổi mới, cải tiến kỹ thuật để có thể tiếp thu được hàm lượng công nghệ cao từ các doanh nghiệp FDI. Đồng thời, kết hợp với mua công nghệ, thích nghi công nghệ và cùng với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp sáng tạo từng phần công nghệ mới, công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Cần có những chính sách khuyến khích nghiên cứu phát triển, sáng tạo trong sử dụng công nghệ. Việc nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp cần được thực hiện theo lộ trình, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học công nghệ đất nước, từ đó làm nâng cao trình độ công nghệ của cả quốc gia.

Lựa chọn các dự án FDI có công nghệ phù hợp, thân thiện với môi trường và đem lại lợi ích cho đất nước. Cần chủ động hơn trong việc đưa ra nhu cầu đổi mới công nghệ thay vì chỉ tiếp nhận các công nghệ theo lợi ích của nhà đầu tư. Công nghệ thích hợp sẽ giúp việc chuyển giao hiệu quả hơn, khai thác được những lợi thế so sánh của nền kinh tế trong nước. Nhà nước cũng cần có những chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ đồng thời yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài có cam kết cụ thể và bồi hoàn khi vi phạm các cam kết. Có như vậy, việc chuyển giao công nghệ thông qua các dự án FDI mới có thể đáp ứng được yêu cầu và kỳ vọng của đất nước trong từng giai đoạn phát triển.

Tăng cường liên kết kinh tế

Vai trò cầu nối của Nhà nước cần được nâng cao trong việc xây dựng những mô hình liên kết phù hợp, thúc đẩy vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp FDI trong việc hỗ trợ, kết nối với doanh nghiệp trong nước. Hướng tới thu hút các doanh nghiệp FDI quan tâm đến việc phát triển chuỗi giá trị tại Việt Nam. Khuyến khích các doanh nghiệp FDI sử dụng các sản phẩm nội địa để tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.

Việt Nam cần có những ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua các nguồn vốn hỗ trợ. Để đổi mới công nghệ, kỹ thuật đòi hỏi nguồn vốn đầu tư ban đầu lớn, điều này làm cho không ít các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn. Do vậy, cần có những ưu đãi ở giai đoạn đầu như hỗ trợ tín dụng, thuế, đào tạo nguồn nhân lực... để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này có những đột phá về công nghệ, từ đó nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, dễ dàng tiếp cận những công nghệ tiên tiến, hiện đại từ doanh nghiệp FDI, dần tiến tới tự chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp như tổ chức hội nghị, hội thảo, các cuộc triển lãm, hội chợ... để các doanh nghiệp trong nước có cơ hội quảng bá thương hiệu của mình, đồng thời các doanh nghiệp FDI dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm các nhà cung ứng nội địa phù hợp. Điều này góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và nâng cao năng lực cung ứng của doanh nghiệp Việt Nam.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đổi mới chương trình giáo dục - đào tạo dựa trên việc khảo sát và nghiên cứu nhu cầu về lao động của thị trường nói chung và của các nhà đầu tư nước ngoài nói riêng. Hệ thống các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... cần cải cách mạnh mẽ. Chú trọng xây dựng các trường dạy nghề, có chất lượng tốt thay vì thành lập quá nhiều trường đại học chất lượng thấp như hiện nay. Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác hướng nghiệp cho các cấp học, góp phần điều hòa phân công lao động xã hội, giúp người lao động tìm được công việc phù hợp với khả năng và sở thích của mình.

Tăng cường công tác dự báo về dân số nói chung và nhu cầu nguồn nhân lực ở các ngành, lĩnh vực nói riêng giúp chủ động tránh tình trạng thừa/thiếu, mất cân bằng về nhân lực. Dự đoán các thay đổi về thị trường lao động, chính sách nhà nước về lĩnh vực lao động, xu thế cạnh tranh để đưa ra biện pháp ứng phó, xử lý, nhất là công tác quản trị doanh nghiệp, công tác nhân sự.

Có chế độ, chính sách khuyến khích lao động tự học và tạo điều kiện cho người lao động tham gia bồi dưỡng và tự học để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Có chính sách đãi ngộ xứng đáng đối với nhân tài và nhân lực chất lượng cao, các đối tượng đi đào tạo từ nước ngoài về nước, tránh tình trạng “chảy máu chất xám”.

Bảo vệ môi trường

Chủ động giám sát, theo dõi khí hậu và các biến đổi của khí hậu với hiện đại hóa hệ thống quan trắc và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn nhằm đưa ra những cảnh báo, dự báo sớm các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan. Cùng cố xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách bảo đảm cho các hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp FDI nói riêng.

Cần chọn lọc, ưu tiên các dự án FDI từ các nước phát triển có tiêu chuẩn môi trường cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. Những dự án tiết kiệm nhiên liệu, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, không sử dụng nhiều lao động giá rẻ cũng nên được ưu tiên. Hạn chế tối đa thu hút FDI vào các lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, phi sản xuất làm gia tăng nhập siêu, sử dụng không hiệu quả tài nguyên, đất đai, điện và gây ô nhiễm môi trường. Không cấp phép cho những dự án không phù hợp với quy hoạch phát triển chung, gây ảnh hưởng đến định hướng phát triển bền vững quốc gia.

Nhằm hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động của doanh nghiệp FDI, các cơ quan có thẩm quyền cần quy định rõ trách nhiệm của nhà đầu tư về bảo vệ môi trường trong quá trình đầu tư và có chế tài xử phạt nặng đối với các hành vi làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Mức phạt cần phải tương xứng với mức độ nguy hại mà doanh nghiệp gây ra cho môi trường, như vậy mới đủ sức răn đe đối với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần mở rộng nguồn thông tin về các trường hợp vi phạm thông qua những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức nhằm xử lý vi phạm kịp thời, tránh để lại hậu quả nghiêm trọng.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019* về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Kịch bản Biến đổi khí hậu*, Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Tiếng Anh

4. ADB (2021), *Asian Development Outlook 2021 Update - Transforming Agriculture in Asia*, September 2021.
5. UNCTAD (2023), *World Investment Report 2023: Investing in sustainable energy for all*, Geneva, 2023.
6. WIPO (2022), *World Intellectual Property Indicators 2022*, Geneva, 2022.

Theo Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam số 4 tháng 8/2023